

Bản án số: 133/2022/HS-ST

Ngày: 19 – 07 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 120/2022/HSST ngày 24/06/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HS ngày 05/07/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng N; Giới tính: Nữ; sinh năm 1982 tại: Thành Phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu tH trú: phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn H: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh Doanh; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Võ Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên HTK, sinh năm 1978, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Ông Đoàn T, sinh năm:1959; địa chỉ: Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị H; Sinh năm: 1962; Trú tại: phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 4/2001, Nguyễn Thị Hồng N được ông Đoàn T, sinh năm 1959, Nơi cư trú: Phường 17 quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh là Giám đốc công ty

TNHH DT có trụ sở đặt tại số: phường 10, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh đưa vào làm trong công ty. Do có mối quan hệ cậu cháu, nên ông T tin tưởng giao nhiệm vụ cho N đi nhận tiền tại Ngân hàng, đi mua những phụ liệu sản xuất và giám sát hàng H xuất khẩu của công ty. Lợi dụng sự tin tưởng trên, ngày 11/12/2001, N đã trực tiếp nhận tờ ủy nhiệm chi đến ngân hàng Sài Gòn Công thương, số 18-19-20 đường Tôn Đức T, quận 1, TP. Hồ Chí Minh để rút tiền về cho công ty với tổng số tiền là 120.322.648 đồng do ông T giao nhiệm vụ. Đến 13 giờ 30' cùng ngày 11/12/2001, Nguyễn Thị Hồng N gọi ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1952, cư ngụ: xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (là tài xế của công ty TNHH DT) chở N đến Ngân hàng Sài Gòn công thương, địa chỉ số 18,19,20 đường Tôn Đức T, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh để nhận tiền cho công ty, Sau khi nhận được số tiền 120.322.648 đồng của công ty, N không quay trở về công ty để giao nộp số tiền 120.322.648 đồng vừa nhận được là tài sản của công ty mà N đã giả vờ kêu ông H chở N đến Thương xá ĐQM ở quận 5, Tp.Hồ Chí Minh để trả tiền nợ và mua hàng. Khi đến nơi, N bảo ông H ngồi ngoài xe chờ và hẹn 30 phút sau quay ra. Khi đến Thương Xá, N cầm số tiền trên bỏ trốn, ông H ngồi chờ đến 17 giờ 30 không thấy N quay ra nên điện thoại về báo cho công ty biết. Sau khi N bỏ trốn ông Đoàn T làm đơn gửi Công an quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh tố cáo hành vi phạm tội của N (bút lục 42 -45). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã thụ lý nguồn tin về tội phạm trên sau đó ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Thị Hồng N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Do N không có mặt ở địa phương nên ngày 20/03/2002 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh ra Quyết định truy nã số 08/QĐ đối với Nguyễn Thị Hồng N.

Ngày 20/09/2021 Đội cảnh sát hình sự Công an quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh phát hiện Nguyễn Thị Hồng N đang cư ngụ tại phường Tân Phú, quận 7, Tp.Hồ Chí Minh nên tiến hành bắt giữ N theo Quyết định truy nã số: 08/QĐ ngày 20/03/2002.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Hồng N khai nhận: Trong quá trình làm việc tại công ty TNHH DT tại số: phường 10, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh do ông Đoàn T làm giám đốc, N bị xuyên bị ông T la mắng nên N bức tức. Vì vậy, vào ngày 11/12/2001 khi N được giao nhiệm vụ đi nhận tiền về cho công ty với số tiền là 120.322.648 đồng từ ngân hàng, N không quay về công ty để đưa lại số tiền trên cho công ty mà lại đem số tiền trên mang về nhà đưa cho mẹ (là bà Võ Thị H) để trả cho công ty, sau đó N nghỉ việc nhưng không đến công ty để thông báo cho công ty và ông T biết. Sau khi nghỉ việc ở công ty, N bỏ đi, không còn ở địa phương nên không biết bản thân bị khởi tố và bị truy nã.

Quá trình điều tra, N không thừa nhận có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công ty DT do ông Đoàn T làm giám đốc, mà cho rằng đã đưa số tiền 120.322.648 đồng cho mẹ ruột bà Võ Thị H để trả lại cho công ty DT

Tuy nhiên, bà Võ Thị H xác định: Ngày 11/12/2001 N không có đưa số tiền 120.322.648 đồng cho Bà để trả lại cho công ty TNHH DT và N cũng không có nhờ bà H trả lại số tiền 120.322.648 đồng cho công ty của ông T mà do bà tự bán căn nhà của Bà H, địa chỉ: phường 17 quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh để lấy tiền khắc phục hậu quả cho công ty. Quá trình điều tra, Bà không yêu cầu bị can hoàn trả lại số tiền mà bà đã tự nguyện trả cho ông T.

Tại bản cáo trạng số 42/CTr-VKS ngày 14/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đưa ra quan điểm xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã khai nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Nhưng bị cáo cho rằng quyết định truy nã bị cáo của cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Gò Vấp bị cáo không biết, do cơ quan điều tra không tổng đạt đến nơi cư trú của bị cáo, vì thời điểm năm 2008 bị cáo có làm lý lịch tư pháp và lấy chồng người nước ngoài và năm 2016 bị cáo có đến công an phường làm căn cước công dân, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo nếu bị cáo biết bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú.

[2] Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, với bản

cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do bị cáo phạm tội năm 2001 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều 140 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng lòng tin của bị hại là ông Đoàn T giao cho bị cáo đến ngân hàng công thương rút số tiền 120.322.648 đồng để về phát lương cho công nhân, sau khi rút được tiền thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt không đem tiền về cho ông T mà chiếm đoạt và sau đó bỏ trốn, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm năm 2017 tương đương với điểm d khoản 2 điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật và nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo lao vào con đường phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo giúp bị cáo nhận thức được hành vi sai trái. Vì vậy việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng theo qui định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo N trình bày không biết lệnh truy nã của cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Gò Vấp là có cơ sở, vì cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Gò Vấp ra Quyết định truy nã số: 08/QĐ ngày 20/03/2002 nhưng đến ngày 10/07/2007 mới thông báo cho phòng PV06 Công An Thành Phố Hồ Chí Minh lưu vào hệ thống để quản lý và không giao quyết định truy nã về địa phương nơi bị cáo thường trú là có thiếu sót nên bị cáo không biết mình bị truy nã, do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét tình tiết này cho bị cáo, mặt khác tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, và qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng mức án có thời gian thử thách lâu dài cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo,

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại là ông Đoàn T vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện ông T đã được bồi thường số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm và làm đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với người liên quan là bà Võ Thị H trình bày số tiền mà bà bồi thường cho ông Đoàn T là tiền của bị cáo N đưa cho bà trả lại cho ông Đoàn T, nên bà không có yêu cầu gì thêm.

[7]Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 02(hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, quận 7 thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Chủ tọa đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhân:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tường Linh